

Số: 86/NQ-HĐND

Đak Pơ, ngày 26 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

V/v Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ
KHÓA IV - KỲ HỌP THỨ CHÍN (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thu đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022; Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Tám (chuyên đề) về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022;

Xét Tờ trình số 134 /TTr-UBND ngày 18/10/2022 của UBND huyện về việc đề nghị phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm



nghèo bền vững năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022, cụ thể như sau:

Tổng vốn sự nghiệp phân bổ : 2.078 triệu đồng

- Ngân sách Trung ương : 1.888 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh : 10 triệu đồng.
- Ngân sách huyện : 180 triệu đồng.

(Có các phụ lục kèm theo)

Ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện hỗ trợ cho địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

Các xã, thị trấn chủ động bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân huyện giao.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ khóa IV, Kỳ họp thứ Chín (chuyên đề) thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và DT;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện; UBNDTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- VP Huyện ủy; VP. HĐND&UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành huyện;
- Các đơn vị Tỉnh, TW đứng chân trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm VH&TT&TT; Công TT&TT huyện (công bố);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thanh Mai

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO ĐẾN VÙNG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐAK PƠ**

(Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng vốn sự nghiệp				
		Tổng	NSTW	NSDP	Bao gồm	
					NS cấp tỉnh	NS huyện
	Tổng cộng	2.078	1.888	190	10	180
1	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	744	676	68		68
2	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	322	293	29		29
2.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	322	293	29		29
3	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	701	637	64		64
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	545	495	50		50
3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng					
3.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	156	142	14		14
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	146	132	14		14
4.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	127	115	12		12
4.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	19	17	2		2
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	165	150	15	10	5
5.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	108	98	10	10	
5.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	57	52	5		5

Cauh

Phụ lục 2: Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn thực hiện Dự án 2

(Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Pơ)

ĐVT: Triệu đồng

BVT: Triệu đồng

TT	Huyện	Tổng số hộ dân cư cuối năm 2021	Kết quả rà soát cuối năm 2021				Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo (hộ)	Tổng tỷ lệ hộ cận nghèo và hộ cận xã (%)	Đơn vị hành chính cấp xã	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo								Năm 2022	
			Hộ nghèo		Hộ cận nghèo					Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Huyện nghèo	Hành chính	Tổng số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính	Tổng số các tiêu chí	Số Tiền	Vốn sự nghiệp		
			Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)													
																		Số hộ	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng	11.275	808	86	401	38	1.209	124,48	8	3	2	-	4	4	5	6	744	676	68
1	Thị trấn Dak Pơ	1.525	202	13,25	159	10,43	361	23,67	1	0,6	0,4		1	1	1,3	1,3	141	128	13
2	Xã An Thành	714	110	15,41	51	7,14	161	22,55	1	0,6	0,4		1	1	1,3	1,3	135	123	12
3	Xã Yang bắc	1.105	297	26,88	136	12,31	433	39,19	1	0,8	0,4		1	1,2	1,3	1,56	234	213	21
4	Xã Ya Hội	650	199	30,62	55	8,46	254	39,08	1	0,8	0,4		1	1,2	1,3	1,56	234	212	22

Ghi chú:

Ghi chú:

.+ Ưu tiên phân bổ cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao; có làng đặc biệt khó khăn.

Đạt

Phụ lục 3: Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn thực hiện Dự án 3

(Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Pơ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các cơ quan, đơn vị	Tổng số hộ dân cư cuối năm 2021		Kế hoạch phát triển cuối năm 2021		Đơn vị hành chính cấp xã	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo (%)	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo (hộ)	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Năm 2022									
		Số hộ	Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)																Số Tiền	Trung ương	Vốn địa phương							
																								Số hộ	Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)	Số Tiền	Trung ương	Vốn địa phương
A	B	1	2	3=2/1	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18											
1	Xã Hà Tam	1.055	74	7,01	83	7,87	157	14,88	1	0,5	0,4		1	0,9	1,3	1,17	54	47		7										
2	Xã An Thành	714	110	15,41	51	7,14	161	22,55	1	0,6	0,4		1	1	1,3	1,3	80	73		7										
3	Xã Yang bắc	1.105	297	26,88	136	12,31	433	39,19	1	0,8	0,4		1	1,2	1,3	1,56	90	83		7										
4	Xã Ya Hội	650	199	30,62	55	8,46	254	39,08	1	0,8	0,4		1	1,2	1,3	1,56	98	90		8										
	Tổng cộng	3.524	680		325		1.005	115,69	4	2,70	1,60	-	4,00	4,30	5,20	5,59	322	293		29										

Ghi chú:

+ Ưu tiên phân bổ cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao; có làng đặc biệt khó khăn.

Phụ lục 4: Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện Dự án 4: Phát triển GDNN, việc làm bền vững

(Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Pơ)

ĐVT: Triệu đồng

DA 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững																					
TT	Các cơ quan, đơn vị	TDA1: Phát triển giáo dục vùng nghèo, vùng khó khăn								Vốn sự nghiệp		TDA 3: Hỗ trợ việc làm bền vững								Vốn sự nghiệp	
		Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số giáo dục nghề nghiệp	Số lượng tuyển sinh	Tổng hệ số tiêu chí số cơ sở GDNN	Tổng số các hệ số tiêu chí	Số tiền	Trung ương	Vốn địa phương	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên	Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Tổng hệ số tiêu chí tổng động lực và hộ cận nghèo	Tổng hệ số lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên	Tổng số các hệ số tiêu chí	Số tiền	Trung ương	Vốn địa phương	
A	B	11	12	13	14	15	16	17			25	26	27	28	29	30	31				
	Tổng cộng	0,6	0,45	0,1	0,5	0,1	3,75	545	495	50	0,6	0,45	1	1,05	1	2,95	156	142	14		
	Các phòng	0,6	0,45	0,1	0,5	0,1	3,75	545	495	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội							275	250	25											
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên							270	245	25											
	Các xã thị trấn										0,6	0,45	1	1,05	1	2,95	156	142	14		
1	Thị trấn Đắk Pơ																19	19			
2	Xã Hà Tam																14	14			
3	Xã An Thành																10	10			
4	Xã Yang bắc																16	16			
5	Xã Tân An																46	46			
6	Xã Cư An																24	10	14		
7	Xã Phú An																17	17			
8	Xã Ya Hội																10	10			

Ghi chú:

- Tiêu chí phân bổ theo số lượng người lao động từ 15 tuổi trở lên của từng địa phương.
- Nội dung chi: Thực hiện thu thập, cập nhật dữ liệu người lao động trên địa bàn.

12-4

Phụ lục 5: Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin
 Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ

ĐVT: Triệu đồng

Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin																				
ĐVT: Triệu đồng																				
TDA2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều																				
T	T	TDA1: Giảm nghèo về thông tin										TDA2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều								
		Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số địa bàn khó khăn	Hệ số đơn vị hành chính	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Số tiền	Vốn sự nghiệp		Số tiền	Tổng hệ số các tiêu chí	Tổng hệ số vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã	Tổng hệ số tiêu chí						
									Trung ương	Địa phương										
Các cơ quan, đơn vị		Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số địa bàn khó khăn	Hệ số đơn vị hành chính	Tổng hệ số vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã	Tổng hệ số các tiêu chí	Số tiền	Trung ương	Địa phương	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số địa bàn khó khăn	Hệ số đơn vị hành chính	Tổng hệ số vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã	Tổng hệ số tiêu chí	Số tiền	Trung ương	Địa phương	Vốn sự nghiệp
1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội							0,0									19	17		2
2	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao							57,0	52	5										
3	Xã Ya Hội							70,0	63,0	7,0										

5/6/22

Phụ lục 6: Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Pơ)

ĐVT: Triệu đồng

Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình																						
STT	Đơn vị	Tổng số hộ dân cư cuối năm 2021	Kết quả rà soát cuối năm 2021		Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo (hộ)	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo (%)	Đơn vị hành chính cấp xã	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số địa bàn khó khăn	Hệ số đơn vị hành chính	Tổng hệ số tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã	Tổng hệ số các tiêu chí	Số tiền DAI	Vốn sự nghiệp		Vốn sự nghiệp	
			Số hộ	Tỷ lệ (%)															Số tiền	Số tiền	Địa phương	Số tiền
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	11.275	1.200	10,64	808	7,17	2.008	17,81	8,0	0,6	0,45	-	1	2,05	8	16,40	108	98	10	57	52	5

Ghi chú

Tổ chức Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, thôn.

Tổ chức kiểm tra, giám sát điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022; chỉ hỗ trợ Phiếu điều tra, ...

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIÀM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐAK PƠ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các cơ quan, đơn vị	Trong đó					Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Trong đó				Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng				
		TW	ĐP	Bao gồm				TW	ĐP	Bao gồm		Tiểu dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp	TW	ĐP	Bao gồm	
				NS cấp tỉnh	NS huyện	NS cấp tỉnh				NS huyện	NS cấp tỉnh				NS huyện	
A	B	1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng cộng	2.078	1.888	190	10	180	744	676	68		68	322	293	29		29
I	Các cơ quan	786	714	72	10	62										
1	Phòng LĐTB và XH	459	417	42	10	32										
2	Trung tâm VH TT và TT	57	52	5		5										
3	Trung tâm GDNN-GDTX	270	245	25		25										
II	Các xã thị trấn	1.292	1.174	118		118	744	676	68		68	322	293	29		29
1	Thị trấn Đak Pơ	160	147	13		13	141	128	13		13					
2	Xã Hà Tam	68	61	7		7						54	47	7		7
3	Xã An Thành	225	206	19		19	135	123	12		12	80	73	7		7
4	Xã Yang bắc	340	312	28		28	234	213	21		21	90	83	7		7
5	Xã Tân An	46	46													
6	Xã Cư An	24	10	14		14										
7	Xã Phú An	17	17													
8	Xã Ya Hội	412	375	37		37	234	212	22		22	98	90	8		8

2022



STT	Các cơ quan, đơn vị	Tổng vốn	TDA1: phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	TW	ĐP	Bao gồm		TDA3: Hỗ trợ việc làm bền vững	TW	ĐP	Bao gồm		Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin					
						NS cấp tỉnh	NS huyện				NS cấp tỉnh	NS huyện	Tổng	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	TW	ĐP	Bao gồm	
																	NS cấp tỉnh	NS huyện
A	B	21	22	23	24	25	26	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
	Tổng cộng	701	545	495	50		50	156	142	14		14	146	127	115	12		12
I	Các cơ quan	545	545	495	50		50						76	57	52	5		5
1	Phòng LĐTB và XH	275	275	250	25		25						19					
2	Trung tâm VH TT và TT	-	-										57	57	52	5		5
3	Trung tâm GDNN-GDTX	270	270	245	25		25											
II	Các xã thị trấn	156	-	-	-	-		156	142	14		14	70	70	63	7		7
1	Thị trấn Đak Pơ	19						19	19									
2	Xã Hà Tam	14						14	14									
3	Xã An Thành	10						10	10									
4	Xã Yang bắc	16						16	16									
5	Xã Tân An	46						46	46									
6	Xã Cư An	24						24	10	14		14						
7	Xã Phú An	17						17	17									
8	Xã Ya Hội	10						10	10				70	70	63	7		7



STT		Các cơ quan, đơn vị	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin						Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình									
			Tiểu dự án 2: Truyền thông về giám nghèo đa chiều	TW	ĐP	Bao gồm		Tổng	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	TW	ĐP	Bao gồm		Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	TW	ĐP	Bao gồm	
						NS cấp tỉnh	NS huyện					NS cấp tỉnh	NS huyện				NS cấp tỉnh	NS huyện
A		B	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58
		Tổng cộng	19	17	2		2	165	108	98	10	10		57	52	5		5
I		Các cơ quan	19	17	2		2	165	108	98	10	10		57	52	5		5
1		Phòng LĐTB và XH	19	17	2		2	165	108	98	10	10		57	52	5		5
2		Trung tâm VH TT và TT																
3		Trung tâm GDNN-GDTX																
II		Các xã thị trấn																
1		Thị trấn Đak Pơ																
2		Xã Hà Tam																
3		Xã An Thành																
4		Xã Yang bắc																
5		Xã Tân An																
6		Xã Cư An																
7		Xã Phú An																
8		Xã Ya Hội																

2016